

Số:

Hậu Giang, ngày tháng năm

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Hậu Giang 5 năm (2017 – 2021)
và các giải pháp cải thiện**

I. Kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) 5 năm (2017-2021):

1. So sánh điểm tổng hợp (PCI) tỉnh Hậu Giang và xếp hạng từ năm 2017 đến 2021 của cả nước và của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long:

Thứ hạng của tỉnh Hậu Giang được cải thiện và tăng hạng liên tục trong 5 năm qua so với cả nước, so với các tỉnh trong khu vực cũng có tăng hạng liên tục trong 4 năm liền. Tuy nhiên, về điểm số của năm 2019 đạt điểm tốt nhất trong 5 năm và thuộc vào nhóm “khá”.

Năm	Điểm tổng hợp (PCI) tỉnh HG	Xếp hạng PCI so với các tỉnh, thành cả nước	Xếp hạng PCI so với khu vực ĐBSCL	Nhóm xếp hạng
2017	60.14	50/63	12/13	Trung bình
2018	61.87	44/63	10/13	Trung bình
2019	64.14	42/63	8/13	Khá
2020	63.11	39/63	7/13	Trung bình
2021	63.80	38/63	9/13	Trung bình

2. So sánh điểm số của 10 chỉ số thành phần từ năm 2017 đến 2021:

Qua các chỉ số cạnh tranh, xét thấy tỉnh Hậu Giang có nhiều cố gắng từng bước phát triển, tuy nhiên còn không ít chỉ tiêu thành phần (PCI) mà tỉnh chưa đạt.

T T	Chỉ số	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	Chi phí không chính thức	6.09	6.54	7.01	7.09	7.23	Tăng liên tục trong 5 năm liền
2	Tiếp cận đất đai	5.85	6.73	6.33	7.19	7.55	Tăng liên tục trong 3 năm liền
3	Gia nhập thị trường	7.91	7.71	7.74	7.12	7.81	Tăng
4	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	5.53	6.10	5.69	5.23	6.95	Tăng
5	Đào tạo lao động	5.17	5.63	5.82	5.78	6.10	Tăng
6	Tính minh bạch	6.11	5.92	6.56	5.31	4.53	Giảm liên tục trong 3 năm liền
7	Cạnh tranh bình	6.41	6.43	6.27	8.58	5.55	Giảm sâu

T T	Chỉ số	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
	đăng						
8	Chi phí thời gian	7.89	7.01	8.12	8.49	7.66	Giảm
9	Tính năng động của chính quyền tỉnh	6.68	5.96	7.15	7.75	7.05	Giảm
10	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	6.14	6.22	6.37	7.65	7.20	Giảm
	PCI	60.14	61.87	64.14	63.11	63.80	
	Xếp hạng	50/63	44/63	42/63	39/63	38/63	
	ĐBSCL	12/13	10/13	8/13	7/13	9/13	
	Nhóm điều hành	Trung bình	Trung bình	Khá	Trung bình	Trung bình	

Trong tổng số 10 nhóm chỉ số, qua 5 năm có sự thay đổi như sau:

- + Tăng liên tục trong 5 năm liền: Chi phí không chính thức.
- + Tăng liên tục trong 3 năm liền: Tiếp cận đất đai
- + Tăng so với năm 2020: Gia nhập thị trường, Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, Đào tạo lao động
- + Giảm liên tục trong 3 năm liền: Tính minh bạch
- + Giảm so với năm 2020: Cạnh tranh bình đẳng, Chi phí thời gian, Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự, Tính năng động của chính quyền tỉnh.

3. Đánh giá sự biến động của từng chỉ số:

3.1 Nhóm chỉ số tăng:

- **Nhóm chỉ số Chi phí không chính thức:** Năm 2020 = 7,09 điểm, năm 2021 = 7.23 điểm tăng 0,14 điểm. Nhóm chỉ số này năm 2021 được xếp thứ hạng 27/63. Được cộng đồng đánh giá rất tích cực và tăng điểm liên tục trong 5 năm liền. Trong nhóm có 16 chỉ số thành phần, có 7 chỉ số trên trung vị và 9 chỉ số dưới trung vị, nhóm chỉ số này tăng so với năm qua nhờ thứ hạng cao của các chỉ số thành phần sau:

- + Chi trả " hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu - 1/63
- + Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai - 1/63
- + Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng - 4/63
- + Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện - 5/63
- + Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra phòng cháy, chữa cháy - 6/63

Một số chỉ số cần cải thiện như:

+ Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được - 63/63
 + Hiện tượng những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến 59/63

+ Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức - 58/63

+ Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường - 51/63

+ Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường - 49/63

- **Nhóm chỉ số Tiếp cận đất đai:** Năm 2020 = 7,19 điểm, năm 2021 = 7.55 điểm tăng 0,36 điểm, tăng liên tục trong 3 năm liên. Nhóm chỉ số này năm 2021 được xếp thứ hạng 8/63. Trong nhóm có 14 chỉ số thành phần, có 7 chỉ số trên trung vị và 7 chỉ số dưới trung vị, nhóm chỉ số này tăng so với năm qua nhờ thứ hạng cao của các chỉ số thành phần sau:

+ Tỷ lệ DN phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai - 1/63

+ Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch - 2/63

+ Tỷ lệ DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục - 4/63

+ Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường - 5/63

Một số chỉ số cần cải thiện như:

+ Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm - 61/63

+ Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định - 52/63

+ Tỷ lệ DN tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất - 51/63

- **Nhóm chỉ số Gia nhập thị trường:** Năm 2020 = 7,12 điểm, năm 2021 = 7.81 điểm tăng 0,69 điểm. Nhóm chỉ số này năm 2021 được xếp thứ hạng 2/63. Trong nhóm có 19 chỉ số thành phần, có 9 chỉ số trên trung vị và 10 chỉ số dưới trung vị, nhóm chỉ số này tăng so với năm qua nhờ thứ hạng cao của các chỉ số thành phần sau:

+ Có 04 chỉ số xếp thứ 1/63: Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ; Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp; Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp; Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động.

+ Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động - xếp thứ 2/63.

+ Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện - xếp thứ 3/63.

+ Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định - xếp thứ 4/63.

Một số chỉ số cần cải thiện như:

+ Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ - 48/63

+ Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai - 46/63

+ Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp - 41/63

- **Nhóm chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp:** Năm 2020 = 5,23 điểm, năm 2021 = 6,95 điểm tăng 1,72 điểm. Nhóm chỉ số này năm 2021 được xếp thứ hạng 33/63. Trong nhóm có 13 chỉ số thành phần, có 11 chỉ số trên trung vị và 2 chỉ số dưới trung vị, nhóm chỉ số này tăng so với năm qua nhờ thứ hạng cao của các chỉ số thành phần sau:

+ Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs - 1/63

+ Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả - 5/63

+ Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp dễ thực hiện - 8/63

+ Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện - 8/63

+ Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện - 9/63

+ Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV dễ thực hiện - 9/63

Một số chỉ số cần cải thiện như:

+ Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp - 52/63

+ Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ - 47/63

- **Nhóm chỉ số Đào tạo lao động:** Năm 2020 = 5,78 điểm, năm 2021 = 6,10 điểm tăng 0,32 điểm. Nhóm chỉ số này năm 2021 được xếp thứ hạng 24/63. Trong nhóm có 11 chỉ số thành phần, có 9 chỉ số trên trung vị và 2 chỉ số dưới trung vị, nhóm chỉ số này tăng so với năm qua nhờ thứ hạng cao của các chỉ số thành phần sau:

+ Có 02 chỉ số xếp thứ 1/63: Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt, Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng - 3/63

+ Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt - 4/63

+ Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng - 8/63

Một số chỉ số cần cải thiện như:

+ Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh - 60/63

+ Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh - 57/63

+ Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo - 54/63

+ Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDDT)- 54/63

3.2 Nhóm chỉ số giảm:

- **Nhóm chỉ số tính minh bạch:** Giảm liên tục trong 3 năm liên năm 2019 = 6,56; 2020 = 5,31; năm 2021 = 4,53 điểm. Nhóm chỉ số này năm 2021 được xếp thứ hạng 62/63. Trong nhóm có 17 chỉ số thành phần, có 6 chỉ số trên trung vị và 11 chỉ số dưới trung vị, có 02 chỉ số cần tiếp tục phát huy bởi được đánh giá thứ hạng 1/63 (Minh bạch trong đấu thầu và Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp), tuy nhiên nguyên nhân giảm là do nhiều chỉ số thành phần được đánh giá không cao như:

+ Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích - chỉ 7% đồng ý nên xếp 63/63;

+ Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích - chỉ 20% Đồng ý nên xếp thứ 63/63;

+ Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích - chỉ 11% Đồng ý nên xếp thứ 63/63;

+ Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh - 70% Đồng ý nên xếp thứ 61/63.

+ Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích - có 24% Đồng ý nên xếp thứ 58/63;

+ Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng - có 50% đồng ý xếp thứ 57/63;

+ Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh - 69% Quan trọng hoặc Rất quan trọng nên xếp thứ 55/63.

+ Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh - 26% Có thể, xếp thứ 55/63.

+ Chất lượng website của tỉnh - xếp thứ 54/63

- **Nhóm chỉ số Cạnh tranh bình đẳng:** Năm 2020 = 8,58; năm 2021 = 5,55 điểm giảm 3,03 điểm là chỉ số có số điểm giảm rất sâu đây là khoảng chênh lệch lớn nhất từ trước đến nay. Nhóm chỉ số này năm 2021 được xếp thứ hạng 45/63. Trong nhóm có 11 chỉ số thành phần, có 8 chỉ số trên trung vị và 3 chỉ số dưới trung vị, hầu như tất cả các chỉ số cần được cải thiện để kéo giảm khoảng cách đối với các tỉnh thành khác, đặc biệt tập trung vào các chỉ số cụ thể sau:

+ Việc tinh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp (56% Đồng ý) - 54/63

+ Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (73% Đồng ý) - 49/63

+ "Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (69% Đồng ý) - 49/63

+ Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (20% Đồng ý) - 47/63

+ Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (24% Đồng ý) - 44/63

+ Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (22% Đồng ý) - 44/63

- **Nhóm chỉ số chi phí thời gian:** Năm 2020 = 8,49; năm 2021 = 7,66 điểm giảm 0,83 điểm. Nhóm chỉ số này năm 2021 được xếp thứ hạng 22/63. Trong nhóm có 14 chỉ số thành phần, có 2 chỉ số trên trung vị và 12 chỉ số dưới trung vị, có 03 chỉ số cần tiếp tục phát huy như: Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc - 2/63, Cán bộ nhà nước thân thiện - 7/63, Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả - 7/63, Tỷ lệ DN nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ những nhiều doanh nghiệp - 8/63. Tuy nhiên nguyên nhân giảm là do nhiều chỉ số thành phần được đánh giá không cao như:

+ DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (65% Đồng ý) - 58/63.

+ Thủ tục giấy tờ đơn giản (63% Đồng ý trong khi trung vị là 74%) - 57/63

+ Phí, lệ phí được công khai (91% Đồng ý trong khi trung vị là 95%) - 54/63

+ Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (72% Đồng ý trong khi trung vị là 80%) - 54/63

- **Nhóm chỉ số Tính năng động của chính quyền tỉnh:** Năm 2020 = 7,75; năm 2021 = 7,05 điểm giảm 0,7 điểm. Nhóm chỉ số này năm 2021 được xếp thứ hạng 23/63. Trong nhóm có 9 chỉ số thành phần, có 07 chỉ số trên trung vị và 02 chỉ số dưới trung vị, có 1 chỉ số cần tiếp tục phát huy như: Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt

động là ổn định và nhất quán (67% Đồng ý) - 4/63. Tuy nhiên nguyên nhân giảm là do nhiều chỉ số thành phần được đánh giá không cao như:

+ Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (52% DN) - 51/63

+ Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (49% Đồng ý) - 51/63

+ Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (39% Đồng ý) - 47/63

+ Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (28% DN) - 30/63

- **Nhóm chỉ số Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự:** Năm 2020 = 7,65; năm 2021 = 7,20 điểm giảm 0,45 điểm. Nhóm chỉ số này năm 2021 được xếp thứ hạng 31/63. Trong nhóm có 18 chỉ số thành phần, có 12 chỉ số trên trung vị và 06 chỉ số dưới trung vị, có 02 chỉ số cần tiếp tục phát huy như: Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh - 1/63, Cơ quan công an xử lý vụ việc của DN hiệu quả - 4/63. Tuy nhiên nguyên nhân giảm là do nhiều chỉ số thành phần được đánh giá không cao như:

+ Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (34% Đồng ý) - 60/63

+ Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (60% Đồng ý) - 59/63

+ Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (35% Thường xuyên hoặc Luôn luôn) - 55/63

+ Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (10%) - 53/63

*** Nguyên nhân giảm của các chỉ số thành phần:**

Có nhiều nguyên nhân khác nhau, do mỗi chỉ số thành phần có nhiều chỉ số cụ thể, các chỉ số này có tăng giảm qua các năm, cụ thể các chỉ số thành phần giảm:

- Chỉ số về tính minh bạch: có 17 chỉ số cụ thể. Chỉ số này giảm điểm chủ yếu tập trung ở nhóm chỉ số về các thông tin trên website chưa đầy đủ, rõ ràng.

- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: có 11 chỉ số cụ thể. Chỉ số này giảm do cộng đồng DN đánh giá có sự ưu tiên các DN lớn hơn các DN nhỏ.

- Chỉ số về chi phí thời gian: có 14 chỉ số cụ thể. Chỉ số này giảm chủ yếu tập trung vào nhóm chỉ số liên quan đến các đoàn thanh tra và thời gian các DN tìm hiểu các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực đầu tư.

- Chỉ số về tính năng động của chính quyền: có 9 chỉ số cụ thể. Chỉ số này giảm liên quan đến các sở, ngành, địa phương không thực hiện đúng và kịp thời các chủ trương và chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh.

- Chỉ số về thiết chế pháp lý và ANTT: có 18 chỉ số cụ thể. Chỉ số này giảm ở nhóm chỉ số có liên quan đến vấn đề DN bị trộm cắp và vấn đề xử lý cán bộ làm sai.

II. Mục tiêu, giải pháp:

1. Mục tiêu:

Mục tiêu đến năm 2025: Thực hiện theo Chương trình 50-CTr/TU ngày 9 tháng 8 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025 trong đó mục tiêu phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ tăng 09 bậc, đứng thứ 30/63.

Mục tiêu năm 2022: Phấn đấu chỉ số PCI năm 2022 của tỉnh nằm trong nhóm điều hành “khá” (đang ở nhóm “trung bình”) so với cả nước, trong đó tập trung thực hiện tốt nội dung sau:

- Tập trung cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số sụt giảm trong năm 2021 như: Tính minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, chi phí thời gian, tính năng động của chính quyền tỉnh, thiết chế pháp lý và ANTT.

- Duy trì và tiếp tục nâng cao các chỉ số tăng điểm như: chi phí không chính thức, tiếp cận đất đai, gia nhập thị trường, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đào tạo lao động.

2. Giải pháp chung:

Nhằm mục tiêu cải thiện thực chất năng lực cạnh tranh của tỉnh trong việc thu hút và hỗ trợ các nhà đầu tư, đồng thời cải thiện chỉ số PCI trong năm 2022, trong thời gian tới tỉnh cần tập trung thực hiện các giải pháp sau:

- Tăng cường sự công khai, minh bạch trong quy trình giải quyết thủ tục đầu tư, tạo sự hài lòng và an tâm đầu tư của doanh nghiệp đối với các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu (các sở, ngành và địa phương) về việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát để kịp thời chấn chỉnh và ngăn chặn các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực của các bộ Công chức thực thi công vụ.

- Các sở ngành và địa phương chủ động phối hợp với nhà đầu tư, đề xuất các giải pháp cho từng dự án, từng trường hợp cụ thể, nhằm giải quyết dứt điểm các vướng mắc về thủ tục đất đai, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tuyệt đối không để tình trạng giải phóng mặt bằng kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ của dự án.

- Các sở ngành và địa phương căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của mình, tập trung giải quyết các vấn đề thuộc về khả năng đáp ứng nhu cầu của

nhà đầu tư như: về hạ tầng cơ bản (điện, nước, giao thông, xử lý nước thải, mặt bằng...), về hạ tầng kỹ thuật (mạng internet, thông tin liên lạc, hệ thống ngân hàng...), về môi trường sống và làm việc (văn hoá, giáo dục, y tế, chất lượng môi trường sống, vui chơi, sinh hoạt...). Đây là một trong các yếu tố tác động trực tiếp đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp ngoài các yếu tố về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

- Công bố rộng rãi, đầy đủ và kịp thời thông tin về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện; các chính sách ưu đãi - khuyến khích - hỗ trợ đầu tư, các quy định về thủ tục hành chính, văn bản chỉ đạo điều hành của tỉnh, văn bản quy pháp pháp luật, thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp; quy hoạch, chương trình phát triển ngành, lĩnh vực; danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên cổng thông tin điện tử tỉnh và trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong bộ phận “một cửa”, cũng như việc giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tiếp tục đề xuất rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính so với quy định, trong đó công bố thủ tục hành chính và thời gian giải quyết đối với từng loại hình đầu tư cụ thể. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng các tiện ích do dịch vụ công trực tuyến mang lại nhằm tạo sự tiện lợi cho doanh nghiệp trong quá trình đầu tư, hạn chế tối đa các chi phí không chính thức trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư.

- Nâng cao vai trò của Ban chỉ đạo xúc tiến và hỗ trợ đầu tư, nhằm giải quyết nhanh chóng, kịp thời đề xuất đầu tư mới của doanh nghiệp, đồng thời giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư của doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác đối thoại, lắng nghe ý kiến doanh nghiệp, giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp thông qua Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh. Đồng thời tiếp thu các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp nhằm mục tiêu cải thiện hơn nữa các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc thù của tỉnh, tạo sức hút riêng của tỉnh trong hoạt động kêu gọi đầu tư.

- Căn cứ vào kết quả phân tích Bộ chỉ số DDCI tỉnh Hậu Giang năm 2020, công bố xếp hạng năng lực cạnh tranh của các sở ban ngành và cấp huyện, từ đó có giải pháp chấn chỉnh hoạt động của từng đơn vị sở ngành và huyện thị, quyết tâm tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo an ninh trật tự, giải quyết dứt điểm các khiếu nại tố cáo liên quan đến đất đai và các vấn đề an sinh xã hội tại các điểm nóng về an ninh trật tự, các khu, cụm công nghiệp tập trung. Nhằm mục đích tạo sự an tâm cho doanh nghiệp trong suốt quá trình đầu tư trên địa bàn tỉnh.

3. Giải pháp cụ thể

Nhằm mục tiêu cải thiện thực chất chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022 và các năm tiếp theo, trong thời gian tới các cấp sở, ban, ngành tỉnh và cấp huyện tập trung thực hiện các giải pháp sau:

3.1 Chi phí không chính thức:

Tăng cường công tác phòng và chống tham nhũng; kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước, tăng cường kỷ luật kỷ cương, nâng cao đạo đức công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thật sự trong sạch, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công tác. Các hoạt động thanh, kiểm tra thực hiện không quá 01 lượt trong năm. Có giải pháp ngăn ngừa phát sinh các chi phí không chính thức.

Tiếp tục cải thiện thủ tục hành chính, đặc biệt dịch vụ công tiến tới cấp độ 4, số hóa trong dịch vụ công. Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của đơn vị quy trình thủ tục và thời gian thực hiện các thủ tục hành chính để doanh nghiệp có thể theo dõi, giám sát trong suốt quá trình giải quyết các thủ tục hành chính, tránh tình trạng gây khó dễ để thực hiện hành vi nhũng nhiễu.

Phát huy vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh trong kết nối chính quyền địa phương tháo gỡ những khó khăn cho doanh nghiệp. Tăng cường các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp tìm kiếm, đào tạo nguồn lao động có chất lượng tốt. Đồng thời, hỗ trợ điều kiện để doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp.

3.2 Tiếp cận đất đai:

Về giải phóng mặt bằng chậm được xem là hạn chế lớn đối với chỉ tiêu này của địa phương. Giải phóng vướng mắc về đất đai sẽ mang lại thay đổi lớn trong hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Do đó, sở, ban, ngành tỉnh và địa phương cần tập trung nguồn lực, bám sát tiến độ để giải quyết nhanh chóng và hiệu quả đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa người dân và doanh nghiệp.

Công khai quy hoạch sử dụng đất của các địa phương; minh bạch hóa, tạo điều kiện thuận lợi, bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn lực đất đai của Tỉnh.

Thường xuyên rà soát, đề xuất UBND tỉnh thu hồi đất đối với các dự án chậm hoặc không triển khai theo quy định; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các dự án triển khai chậm do vướng mắc trong lĩnh vực đất đai.

Rút ngắn thời gian, các thủ tục, chi phí cho doanh nghiệp trong thực hiện các trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, nhất là việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lưu ý không để xảy ra trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận nhưng không thực hiện do lo ngại thủ tục hành chính rườm rà và cán bộ nhũng nhiễu).

3.3 Gia nhập thị trường:

Tiếp tục duy trì và cải thiện hơn nữa các thủ tục đăng ký, điều chỉnh giấy phép đăng ký thành lập doanh nghiệp thông qua hình thức 5 tại chỗ nhằm đáp ứng nhanh chóng, kịp thời cho doanh nghiệp.

Kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp để hoàn thành nhanh nhất tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động.

3.4 Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp:

Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các chính sách đột phá; đồng thời, vận dụng các chính sách hiện hành để hỗ trợ cho doanh nghiệp, cải thiện đáng kể của các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp được kịp thời, nhanh chóng và thực chất hơn nữa.

Tập trung đầu mối thực hiện các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và người dân.

Nâng cao vai trò của Ban chỉ đạo Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh, nhằm giải quyết nhanh chóng, kịp thời đề xuất đầu tư mới của doanh nghiệp; đồng thời, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư của doanh nghiệp.

3.5 Đào tạo lao động:

Tỉnh chủ động kết nối các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo cung ứng kịp thời, đa dạng (lao động phổ thông, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giám sát) khi doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng.

Tăng cường nguồn lực đầu tư để nâng cao chất lượng đào tạo nghề của tỉnh, song song đó có chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp cho người lao động về chi phí đào tạo lao động.

Chất lượng giáo dục phổ thông tại địa phương là tiêu chí được các doanh nghiệp rất quan tâm, nên cần từng bước cải thiện.

3.6 Tính minh bạch:

Thực hiện các hoạt động truyền thông, tập huấn để nâng cao hiệu quả của Cổng/Trang thông tin điện tử/dịch vụ công nói chung, đối tượng lưu ý cần hướng tới là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Từng bước hoàn thiện Cổng thông tin điện tử đảm bảo thông tin được cập nhật thường xuyên, thiết thực, hữu ích, dễ sử dụng nhằm gia tăng mức độ sử dụng Cổng/Trang thông tin điện tử để tra cứu thông tin.

Tăng cường sự công khai, minh bạch trong quy trình giải quyết thủ tục đầu tư, tạo sự hài lòng và an tâm đầu tư của doanh nghiệp đối với các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu (các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương) về việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

Công bố rộng rãi, đầy đủ và kịp thời thông tin về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, huyện; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp; quy hoạch,

chương trình phát triển ngành, lĩnh vực; danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố.

3.7 Cạnh tranh bình đẳng:

Tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển, không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp Nhà nước so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tiếp cận đất đai, tín dụng, miễn giảm thuế, cấp phép khai thác khoáng sản, giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp...

3.8 Chi phí thời gian:

Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong bộ phận “Một cửa”, trong giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông”, trong đó công bố thủ tục hành chính và thời gian giải quyết đối với từng loại hình đầu tư cụ thể.

Thực hiện tốt các quy định về văn minh, văn hóa công sở, trang phục làm việc, chú trọng nâng cao tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức gần gũi, thân thiện, lịch sự khi, giao tiếp với doanh nghiệp.

Rà soát lại số lượng, trình độ năng lực của cán bộ giải quyết các thủ tục hành chính của doanh nghiệp, đảm bảo về số lượng và chất lượng để giải quyết công việc.

3.9 Tính năng động của lãnh đạo:

Tăng cường đối thoại doanh nghiệp để tạo sự gắn kết đồng hành, nắm bắt kịp thời các khó khăn của doanh nghiệp và quan trọng hơn cả là giải quyết nhanh chóng, hiệu quả, thiết thực các khó khăn mà doanh nghiệp kiến nghị. Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc mà các doanh nghiệp kiến nghị trong các cuộc Đối thoại doanh nghiệp định kỳ hoặc trong các lần kiểm tra của Lãnh đạo tỉnh tại các địa phương. Giải quyết dứt điểm, đồng thời có phản hồi đến từng doanh nghiệp đã phản ánh.

Chủ động giải quyết các vướng mắc của doanh nghiệp theo thẩm quyền, tránh đùn đẩy trách nhiệm giữa các đơn vị, kịp thời báo cáo UBND tỉnh đối với các trường hợp vượt thẩm quyền. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm của các cá nhân, bộ phận trực thuộc giải quyết các thủ tục của các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương trong tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp, triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh để đảm bảo sự nhất quán trong thực hiện chủ trương, chính sách từ tỉnh đến cơ sở.

Chủ động đề xuất cơ chế, chính sách và giải pháp tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thuận lợi cho doanh nghiệp theo chủ trương của Chính phủ là “Đồng hành cùng doanh nghiệp”.

Tập trung thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND tỉnh trong quá trình thực

thi công vụ, tránh tình trạng trên nóng dưới lạnh, dẫn đến sự chậm trễ trong công tác giải quyết khó khăn, vướng mắc hoặc trong việc giải quyết các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp.

3.10 Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự:

Giải quyết dứt điểm các khiếu nại tố cáo liên quan đến đất đai và các vấn đề an sinh xã hội tại các khu, cụm công nghiệp tập trung. Có cơ chế hỗ trợ tố cáo cán bộ những nhiều, xét xử vụ việc kinh tế đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Tập trung chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh trật tự, chống bảo kê, trộm cắp, tạo sự an tâm cho doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật cho cộng đồng doanh nghiệp.

III. Tổ chức thực hiện:

Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố:

- Trên cơ sở các giải pháp nêu trên, chủ động xây dựng kế hoạch khắc phục các chỉ số có điểm thấp và duy trì và nâng chất các chỉ số tốt, làm cơ sở để theo dõi đơn đốc quá trình thực hiện, thường xuyên đo lường sự cải thiện đơn vị.
- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này vào định kỳ hàng quý (trước ngày 10 của tháng cuối quý) và trước ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo năm về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo. Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện đánh giá chỉ số DDCI trên địa bàn tỉnh, tiến tới nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh theo Nghị quyết Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra.

Trên đây là báo cáo 5 năm thực hiện chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Hậu Giang./.

Nơi nhận:

- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, TX, TP;
- Hiệp hội DN tỉnh;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH. TĐ

E/2022/KH/SKH cải thiện Chỉ số DDCI

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Cảnh Tuyên